

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 01 - 2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
ranh giới quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Vạng;

Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

- T ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – T ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bạch Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/6/2021 và 21/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2020/TLPT-DS ngày 14/10/2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện LV bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 508/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Phạm Thị Y, sinh năm 1959;
2. Võ Văn H (H), sinh năm 1957;
3. Phạm Thị Kim D, sinh năm 1980;
4. Nguyễn Thị L (Hén), sinh năm 1983;

5. Phạm Tấn Biên, sinh năm 1984 (Chết 24/5/2021);

Người kế thừa quyền, N vụ tố tụng của anh Biên là:

5.1. Phạm Thị Y, sinh năm 1959;

5.2. Võ Văn H (H), sinh năm 1957;

5.3. Nguyễn Thị L (H), sinh năm 1983;

5.4. Phạm Anh T, sinh năm 2005;

5.5. Phạm Minh T, sinh năm 2007;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Anh T và Minh T là: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, chị D và chị L là: Ông Võ Văn H, sinh năm 1957; Cùng địa chỉ: Số nhà 185A, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/6/2021).

- Bị đơn:

1. Phạm Thị K, sinh năm 1956;

2. Trần Văn Sáu, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: Số nhà 191, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K và ông Sáu là: Chị Đặng Thị Bích Phượng, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 334/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020).

- Người có quyền L, N vụ liên quan:

1. Trần Quốc T, sinh năm 1987;

2. Trần Ngọc L, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Số nhà 191, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

3. Trần Thị Kim L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 191A, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị L, anh L là: Chị Đặng Thị Bích Phượng, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà 334/3, ấp Định Thành, xã Định Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/11/2020).

4. Phạm Hữu N, sinh năm 1975;

5. Võ Thị LuY, sinh năm 1975;

6. Phạm Trọng N, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số nhà 187A, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N, chị LuY và anh N là: ông Phạm Ngọc Trân, sinh năm 1949; Cùng địa chỉ: Số nhà 187, ấp Bình Hiệp B, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy ngày 27/5/2020).

7. Ủy ban nhân dân huyện L;

Địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 1, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Nhanh, Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện LV(Xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn H và bà Phạm Thị Y là nguyên đơn trong vụ án.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị Y và ông Võ Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà bên nội của bà Y để lại cho ông nội bà Y. Sau đó, ông bà nội để lại cho cha bà Y là ông Phạm Văn Tợ và mẹ là bà Bùi Thị Bằng sử dụng diện tích khoảng trên 1.000m² (Đất tranh chấp) và phần đất ruộng khoảng 10 công (Tầm cắt). Ông Tợ và bà Bằng có tổng cộng

07 người con gồm: Phạm Thị Được, Phạm Ngọc Trân, Phạm Thị K, Phạm Thị Y, Phạm Thị Anh, Phạm Hữu Ngãi và Phạm Thị Mè.

Khi ông Tợ và bà Bằng còn sống chỉ chia đất ruộng cho ông Trân 2.000m² và ông Ngãi hơn 8.000m². Đối với phần diện tích đất tranh chấp hiện nay không có chia mà các con tự ở.

Năm 2009 ông Tợ chết, đến năm 2017 bà Bằng chết. Từ trước đến khoảng năm 1964 thì ông Tợ và bà Bằng cất nhà trên phần đất nền nhà của bà K hiện nay. Đến năm 1964 thì ông Tợ và bà Bằng dời nhà đến phần đất khác gần đó để ở, lúc này phần đất tranh chấp bỏ trống.

Đối với phần nền nhà của bà Y thì trước đây là nền nhà của ông bà nội bà Y ở, đến năm 1972 thì dời nhà phần đất khác ở gần đó để ở. Đến năm 1990 ông, bà về cất nhà trên phần đất này và sinh sống cho đến nay. Việc ông, bà ở trên đất không có giấy tờ gì. Vì đây là đất của cha, mẹ nên các con ai muốn ở thì ở. Việc ông, bà ở trên đất thì tất cả các anh, em trong nhà đều biết, thống nhất và không có tranh chấp.

Năm 1994 bà K dời nhà từ mé sông lên vị trí nhà hiện nay. Việc bà K và ông Sáu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất ông, bà đang sử dụng thì ông, bà không biết.

Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án công nhận cho hộ của ông bà gồm: Bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tấn Biên được quyền sử dụng diện tích là 299,4m², trong phạm vi các mốc 6, 10, 11, 18, 19, 12, 9, 7, 6, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 62, theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò. Không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu của bà K, ông Sáu.

- Bị đơn bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho cha mẹ bà K sử dụng từ năm 1946, đến năm 1972 thì bỏ trống. Năm 1980 bà K và ông Sáu về khai mở và sử dụng đất. Đến năm 1991 thì ông, bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.261,5m² thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 62. Khoảng năm 1990 thì bà Y có hỏi ông, bà cất nhờ trại trên đất để nuôi vịt chạy đồng. Sau đó, đến năm 2000 thì cất nhà như hiện nay. Do là chị em ruột nên bà K vẫn để cho bà Y sử dụng. Bà K và ông Sáu không đồng ý cho hộ bà Y được sử dụng diện tích 299,4m².

Bà K, ông Sáu đồng ý cho hộ bà Y, ông H được ở trên phần đất đã cất nhà 190,9m² trong phạm vi các mốc 9, 10, 11, 12, 9, thuộc một phần thửa số 7, tờ bản đồ số 62 và phải trả giá trị đất cho ông bà là 160.000đ/m² x 190,9m² = 30.544.000đ.

- Người có quyền L N vụ liên quan anh Phạm Hữu N, chị Võ Thị LuY và anh Phạm Trọng N trình bày:

Nguồn gốc đất giống như Nguyên, Bị đơn trình bày. Hiện nay các anh chị đang cất nhà ở trên đất của bà K, ông Sáu đứng tên quyền sử dụng đất và yêu cầu bà K và ông Sáu tách quyền sử dụng đất cho anh, chị đối với diện tích nhà và đất hiện nay anh, chị đang sử dụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện LV đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tấn Biên.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu.

Bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tấn Biên được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 190,9m² thể hiện ở các mốc 9, 10, 11, 12 và trở về 9, thuộc một phần thửa số 7, tờ bản đồ số 62 theo quy định của pháp luật.

Hộ bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích đất thực tế sử dụng, thửa số 7, tờ bản đồ số 62 theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2018 của Tòa án và sơ đồ đo đạc đất ngày 28/9/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò.

Buộc Bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Tấn Biên trả cho bà K, ông Sáu 30.544.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, N vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

+ Ngày 01/9/2020 bà Phạm Thị Y và ông Võ Văn H kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

+ Ngày 17/9/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp có Quyết định số 23/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm đối với Bản án số 63/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xem xét theo hướng hủy Bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị Y và ông Võ Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông H và bà K.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, T ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ bà Y, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà K ông Sáu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho cụ Phạm Văn Hóa (Là ông nội của bà Y và bà K). Cụ Hóa có 3 người con là Phạm Văn Tốt (Hy sinh 1967), Phạm Thị Mỹ, Phạm Văn Tợ. Cụ Hóa cất nhà ở trên đất tranh chấp, ông Tốt có vợ ra riêng cất nhà ở kế bên. Khi cụ Hóa dời nhà đi nơi khác

bà Huỳnh Thị Tổ (Vợ ông Tốt) cùng các con tiếp tục ở căn nhà của cụ Hóa (Do trước đây ở chung nhà với ông Hóa). Khoảng 1964 ông Tợ dời nhà đi chỗ khác gần đó. Năm 1970 cụ Hóa chết, đến năm 1973 bà Tổ dời nhà đi chỗ khác. Phần đất tranh chấp bỏ trống. Năm 1979 ông Tợ cho ông Nguyễn Đình Lộc cất nhà ở nhờ, vị trí gần mé sông. Năm 1983 ông Lộc dời nhà đi chỗ khác trả lại đất. Cùng năm 1983 bà K về cất nhà ở trên nền nhà cũ của ông Lộc. Năm 1994 bà K dời lên cất nhà trên nền nhà cũ của cha là ông Tợ. Năm 1990 bà Y về cất nhà trên nền nhà cũ của ông nội là ông Hóa.

Ngày 06/09/1991 bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 136, 135b, 135a, tờ bản đồ số 5a, diện tích 3.420m². Ngày 14/4/2015 hộ bà K, ông Sáu được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 7, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.261,5m².

[2] Bà Y, ông H cho rằng do đây là đất của ông bà để lại nên các con, cháu ai có nhu cầu ở thì ở. Vợ chồng ông, bà đã cất nhà ở từ năm 1990 đến nay, bà K kê khai đăng ký trù lên đất của bà. Vì vậy, ông bà yêu cầu hủy 1 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K, công nhận cho hộ của ông bà quyền sử dụng 299,4m² đất trong phạm vi các mốc M6, M7, M9, M12, M19, M18, M11, M10, M6, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 62, tại xã Bình Thạnh Trung, huyện LV theo Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 28/9/2018 là có căn cứ. Bởi vì, đất này là của ông bà để lại, không phải đất hoang, cũng không phải của cha mẹ (Ông Tợ, bà Bằng). Vợ chồng ông bà đã cất nhà ở ổn định lâu dài, đào ao nuôi cá, bồi đắp sân, xung quanh nhà và trồng cây trên đất.

[3] Bà K cho rằng cha mẹ của bà (Ông Tợ, bà Bằng) sử dụng phần đất này từ năm 1946 đến năm 1972 thì bỏ trống. Năm 1980 vợ chồng bà về khai mở, đến năm 1991 thì bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khoảng năm 1990 thì bà Y có hỏi vợ chồng bà cất nhờ trại trên đất để nuôi vịt. Đến năm 2000 thì vợ chồng bà Y cất nhà như hiện nay. Do là chị em ruột nên bà để cho bà Y được ở trên đất. Vì vậy, vợ chồng bà chỉ đồng ý cho hộ bà Y được ở trên phần diện tích 190,9m² (Phần nhà bà Y) và phải trả giá trị đất 30.544.000đ là không phù hợp. Bởi vì, vợ chồng bà Y không thừa nhận việc bà K cho vợ chồng bà Y ở nhờ và bà cũng không có chứng cứ chứng minh là bà cho bà Y ở nhờ. Mặt khác, khi vợ chồng bà Y cất nhà kiên cố, đào ao nuôi cá, bồi đắp sân, xung quanh nhà và trồng cây trên đất nhưng phía bà K không ngăn cản, tranh chấp.

[4] Xét Tờ tường trình ngày 16/6/2020 của bà Phạm Thị Được, bà Phạm Thị Anh, ông Phạm Hữu Ngãi và bà Phạm Thị Mè là anh, chị, em của bà K và bà Y có nêu: “*Vào năm 1990 chị tôi có cất một căn nhà trên đất này và ở từ đó cho đến nay, anh chị em đều biết và không có ai tranh chấp*”. Đến ngày 07/7/2020, bà Phạm Thị Anh, ông Phạm Hữu Ngãi và bà Phạm Thị Mè làm Tờ tường trình nêu: Vào khoảng những năm 1945, ông nội các ông bà có ở trên đất này. Do chiến tranh nên rời khỏi, đất bỏ hoang. Năm 1980, bà K lập gia đình về ở trên phần đất này một thời gian được cấp quyền sử dụng đất. Năm 1993 vợ chồng bà Y xin bà K cất trại nuôi vịt. Năm 2000, bà Y hỏi bà K xin cất nhà. Bà K chỉ cho cất ở đỡ. Việc các anh, chị, em của bà Y và bà K trình bày cho thấy trước, sau là không thống nhất nên không đủ căn cứ để xác định bà K có cho bà Y ở nhờ. Ngoài ra, vợ chồng bà K cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh phần đất tranh chấp do vợ chồng bà khai mở.

[5] Căn cứ vào lời khai ngày 04/3/2021 của ông Nguyễn Văn Thông nguyên trưởng ban tự quản ấp Bình Hiệp là vào khoảng năm 1989 – 1990 ông có dẫn đoàn khảo sát để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Khi đến phần đất tranh chấp có nghe ông Tợ nói tôi có cho hai đứa con gái mỗi đứa một nền nhà. Lúc này đã thấy vợ chồng bà Y cất trại nuôi vịt trên đất. Từ đó, cho thấy vợ chồng bà Y, ông H đã cất nhà ở trên đất từ khoảng năm 1990.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm xác định đất tranh chấp Ủy ban cấp cho hộ bà K và ông Sáu là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ vào Công văn số 1193 ngày 03/9/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV xác định: “*Theo sổ mục kê đang quản lý thể hiện thửa 135a, tờ bản đồ số 5a ghi tên Phạm Ngọc Trân, Phạm Thị K và thửa 135b, 136 tờ bản đồ số 5a ghi tên Huỳnh Thị Tố*”. Hộ bà Y cất nhà ở trên đất tranh chấp từ năm 1990, nhưng Ủy ban lại cấp quyền sử dụng đất cho bà K ngày 06/9/1991 và cấp đổi cho hộ bà K và ông Sáu vào ngày 14/4/2015 là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, phải hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 299,4m² mà hộ bà Y, ông H đang sử dụng nêu trên.

[7] Đối với anh Phạm Hữu N cho rằng: Năm 1994 vợ chồng anh về cất nhà ở trên phần đất này (Nền nhà cũ của bà K) và yêu cầu bà K và ông Sáu tách quyền sử dụng đất cho anh đối với diện tích nhà và đất hiện nay anh đang sử dụng là 167m². Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu này để giải quyết bằng vụ án khác, anh N không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này

nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Y và ông H là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Y, ông H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, sửa bản án sơ thẩm.

Do chấp nhận yêu cầu của các Nguyên đơn nên bà K và ông Sáu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng vì bà K và ông Sáu là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho bà K và ông Sáu.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Y và ông Võ Văn H.
2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
3. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 63/2020/DS-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.
4. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L và những người kế thừa quyền, N vụ tố tụng của anh Phạm Tấn Biên là: Bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Nguyễn Thị L, Phạm Anh T và Phạm Minh T.

5. Công nhận cho hộ của bà Phạm Thị Y gồm: Bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H, chị Phạm Thị Kim D, chị Nguyễn Thị L, Phạm Anh T và Phạm Minh T được quyền tiếp tục sử dụng 299,4m² đất trong phạm vi các mốc M6, M7, M9, M12, M19, M18, M11, M10, M6, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 62, tại xã Bình Thạnh Trung, huyện LVdo hộ bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Buộc hộ bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu gồm: Bà Phạm Thị K, ông Trần Văn Sáu, anh Trần Quốc T, chị Trần Thị Kim L và anh Trần Ngọc L phải giao quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị Y 299,4m² đất trong phạm vi các mốc M6, M7, M9, M12, M19, M18, M11, M10, M6, thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 62, tại xã Bình Thạnh Trung, huyện LVdo hộ bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 299,4m² đất nêu trên do hộ bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho hộ của bà Phạm Thị Y.

8. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu về việc yêu cầu hộ bà Phạm Thị Y, ông Võ Văn H trả lại giá trị quyền sử dụng đất là 30.544.000 đồng.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2018 của Tòa án và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp ngày 28/9/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

9. Về án phí:

+ Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu.

+ Ông Võ Văn H được nhận lại 2.638.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001607 ngày 05/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

10. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà bà Phạm Thị K và ông Trần Văn Sáu phải chịu 3.346.000 đồng để trả lại cho ông Võ Văn H, do ông H đã tạm ứng trước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt